

Phân một

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA *NGỮ VĂN NÂNG CAO*

A – VỀ CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN VÀ CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO MÔN NGỮ VĂN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

I – VỀ MỤC TIÊU MÔN NGỮ VĂN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Về mục tiêu môn học, *Chương trình chuẩn* và *Chương trình nâng cao môn Ngữ văn Trung học phổ thông* (THPT) đã ghi rõ, ở đây chỉ giải thích thêm một số điểm.

1. Về mục tiêu chung của môn Ngữ văn THPT

Môn Ngữ văn (bao gồm ba phân Văn học, Tiếng Việt, Làm văn) là một môn học nền tảng về kiến thức và công cụ giao tiếp, có vị trí quan trọng trong các môn học, góp phần tạo nên trình độ văn hoá cơ bản của con người. Dạy và học tốt môn Ngữ văn, chẳng những giúp HS có kiến thức và kỹ năng của môn học này, mà còn tạo cơ sở để học tốt các môn học khác, phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, tiếp thu văn hoá nhân loại, giáo dục tư tưởng, tình cảm cao đẹp cho người công dân tương lai.

Mục tiêu chung của môn Ngữ văn THPT là trên cơ sở đã đạt được của Chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở (THCS), bồi dưỡng và nâng cao thêm một bước năng lực ngữ văn cho HS bao gồm *năng lực đọc - hiểu các văn bản thường gặp* (văn, thơ, truyện,...), *năng lực viết một số văn bản thông dụng* và *năng lực nói trước công chúng*. Đồng thời, môn Ngữ văn cung cấp cho HS một hệ thống tri thức phổ thông về văn học Việt Nam và văn học nước ngoài, về ngôn ngữ học và tiếng Việt, về lí luận văn học, lịch sử văn học và văn hoá, tạo một phần tích lũy ban đầu để hình thành các năng lực đọc, viết, năng lực cảm thụ thẩm mỹ, phát triển tư duy, bao gồm cả phương pháp học tập bộ môn, tạo thành tập quán tự học ngữ văn, biết tìm tòi, phát hiện, suy nghĩ, giải quyết vấn đề, làm cơ sở cho sự phát triển trí tuệ và nhân cách.

Trong quá trình dạy học, GV cần nắm vững đặc trưng của môn Ngữ văn, hướng tới bồi dưỡng cho HS lòng yêu tiếng Việt, yêu văn hoá, văn học nước nhà,

giáo dục lòng yêu nước và tự hào dân tộc, tinh thần nhân văn, lí tưởng xã hội chủ nghĩa, đạo đức cao thượng, thị hiếu thẩm mỹ tốt, hướng dẫn HS quan tâm tu dưỡng phẩm chất văn hoá cá nhân, hình thành cá tính lành mạnh, góp phần bồi dưỡng nhân cách người lao động trong thời đại mới.

2. Về mục tiêu môn Ngữ văn nâng cao

a) Về tri thức

Phần Văn học của *Chương trình nâng cao môn Ngữ văn* (từ đây gọi tắt là *Chương trình nâng cao*) bao gồm nội dung phần Văn học của *Chương trình chuẩn môn Ngữ văn* (gọi tắt là *Chương trình chuẩn*) và có thêm các nội dung nâng cao nhằm cung cấp một khối lượng tri thức phổ thông tương đối có hệ thống về đoạn trích, tác phẩm văn học ; về tác giả, thể loại của văn học Việt Nam ; một số hiện tượng nổi bật, đặc biệt có giá trị của văn học nước ngoài ; về ngôn ngữ văn học, lịch sử văn học, lí luận văn học. Đặc biệt, để mở rộng phạm vi đọc và hỗ trợ cho việc học làm văn, phần Văn học so với chương trình truyền thống còn tăng thêm các tác phẩm thuộc loại khác như *nghị luận* (nghị luận xã hội và nghị luận văn học), *sử kí, tựa, văn bản nhật dụng*. Tính chất nâng cao thể hiện không chỉ ở số lượng bài học chính và bài đọc thêm nhiều hơn *Chương trình chuẩn*, mà còn ở yêu cầu HS tự giác hơn về phương pháp đọc, về năng lực liên hệ văn bản văn học với đặc trưng thể loại và bối cảnh văn hoá.

Phần Tiếng Việt, ngoài việc ôn luyện các tri thức đã học ở THCS về *từ, câu, biện pháp tu từ*, HS được học thêm *lịch sử tiếng Việt, loại hình tiếng Việt, cách sử dụng tiếng Việt, văn bản và phong cách chức năng ngôn ngữ*.

Phần Làm văn, *Chương trình nâng cao* giúp HS ôn luyện các kiểu văn bản đã học ở THCS như *tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận*, đồng thời cho HS học thêm một số kiến thức về *quan sát, thể nghiệm, liên tưởng, tưởng tượng, đọc tích lũy kiến thức, một số hình thức kết cấu của văn bản thuyết minh, các thao tác lập luận*, hoàn thiện năng lực làm văn nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

b) Về kĩ năng

Chương trình tập trung *rèn luyện các kĩ năng đọc* mà trọng tâm là đọc - hiểu văn bản nhằm hình thành năng lực đọc các loại văn bản, năng lực tóm tắt, khái quát, đánh giá nội dung và nghệ thuật của văn bản đã đọc, rèn luyện năng lực tự học cho HS, tạo cho HS kĩ năng nắm bắt thông tin nhanh, nhạy, chuẩn xác, đáp ứng yêu cầu của đời sống hiện đại.

Chương trình chú trọng *rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt* qua các bài luyện tập cách dùng từ, viết câu, cách đọc hiểu nghĩa từ, nghĩa câu, nghĩa đoạn, sử dụng các biện pháp tu từ và chữa các lỗi về tiếng Việt.

Phần Làm văn, ngoài việc rèn luyện năng lực làm các bài văn tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận (nghị luận xã hội và nghị luận văn học), HS còn biết làm một số văn bản hành chính, báo chí, phỏng vấn, quảng cáo, rèn luyện kỹ năng phát biểu miệng (trình bày một vấn đề), viết kế hoạch cá nhân. Toàn bộ Chương trình hướng tới việc tạo cho thế hệ trẻ năng lực chủ động đề xuất ý kiến, phát biểu suy nghĩ của mình về bản thân, xã hội và văn hoá, văn học.

c) Về thái độ

Toàn bộ Chương trình hướng tới bồi dưỡng nhân cách mới cho thế hệ trẻ, một thế hệ yêu nước, trọng lẽ phải, say mê khoa học, thích sáng tạo. Chương trình coi trọng giáo dục năng lực cảm thụ thẩm mỹ, tinh thần yêu tiếng Việt, văn học, yêu cái đẹp, rèn luyện ý thức khoa học và thái độ chủ động, sáng tạo trong đọc văn, làm văn.

Các hình thức kiểm tra, đánh giá được nêu ra chẳng những nhằm đánh giá đúng trình độ học tập của HS mà còn góp phần khắc phục bệnh ỷ lại, bệnh sao chép, quay cóp.

II – TÊN GỌI MÔN NGỮ VĂN VÀ QUAN NIỆM VỀ BỘ MÔN

Trên cơ sở mục tiêu đã xác định, căn cứ vào thực chất nội dung dạy học, môn Ngữ văn vừa là môn học kiến thức, vừa là môn học công cụ. Điểm chung của ba phần Đọc văn, Tiếng Việt, Làm văn là văn bản và tiếng Việt, những phương tiện giao tiếp cơ bản. Năng lực sử dụng tiếng Việt thể hiện ở khả năng đọc - hiểu và tạo lập văn bản. Vì vậy, bắt đầu từ Chương trình THCS, tên gọi môn học này đã được đổi thành *Ngữ văn*. Phân môn Văn trong nhà trường trước đây quen gọi là *Văn*, *Giảng văn*, *Trích giảng Văn học* hay *Văn học*,... các cách gọi này tự nó đã tách Văn học ra khỏi Làm văn, Tiếng Việt và dễ gây cho GV ngộ nhận rằng, dạy Văn chỉ là giảng lại cho HS những gì mình hiểu. Các cách gọi đó cũng tạo ra một định hướng dạy Văn là chỉ nhằm dạy cái hay, cái đẹp cho HS mà coi nhẹ việc khai thác tiếng Việt và hình thành năng lực đọc - hiểu. Sau đó, nội dung môn học được xem lại, Chương trình được bổ sung phần Tiếng Việt, lấy tên là *Văn và Tiếng Việt*, phần Làm văn nằm trong phần Tiếng Việt. Cách gọi này tạo thành một

sự lắp ghép thêm phần Tiếng Việt, còn dạy Văn vẫn là giảng văn như cũ. Làm văn vẫn bị coi nhẹ. Với khái niệm mới và tinh thần mới, tên gọi *Ngữ văn* thể hiện được tính chất tích hợp và tính công cụ của môn học. *Ngữ văn* không chỉ là môn học tích hợp *ngữ* với *văn* – hai nội dung khoa học cơ bản, vừa cung cấp tri thức khoa học vừa giáo dục tư tưởng – mà còn là một môn học có mục tiêu thực tiễn là hình thành và phát triển năng lực nghe, nói, đọc, viết cho HS.

Yêu cầu *tích hợp* nằm ngay trong bản chất môn học. Văn học là nghệ thuật ngôn từ, nó đòi hỏi phải thông qua việc *đọc, hiểu, cảm nhận* của người đọc thì các giá trị văn học mới được bộc lộ và phát huy tác dụng. Nếu người học không đọc, mà nhờ người khác đọc hộ rồi giảng giải cho thì HS chỉ học kiến thức của người giảng, không bao giờ tự mình tiếp xúc và cảm nhận được văn học. Vì vậy, nhiệm vụ hàng đầu của môn Ngữ văn là hình thành và rèn luyện cho HS năng lực đọc - hiểu văn bản văn học : từ hiểu câu chữ đến hiểu hình tượng, từ hiểu hình tượng đến biết cách khái quát tư tưởng tác phẩm, nắm bắt giá trị thẩm mỹ và giá trị lịch sử,... Cách hiểu văn bản văn học của SGK, của người GV là rất quan trọng, song phải làm sao để HS có thể tự mình đọc - hiểu văn bản để đi đến tiếp nhận thành quả của người đi trước. GV biết cách dạy đọc - hiểu, HS sẽ có năng lực đọc, hứng thú đọc và có khả năng tự đọc, tự học suốt đời.

Muốn có năng lực đọc thì phải trau dồi tiếng Việt, làm giàu vốn từ, nắm vững các loại phong cách biểu đạt, phải có tri thức về văn hoá, thể loại, lịch sử, lí luận văn học. Muốn nắm bắt ý chính thì phải biết tự diễn đạt chính xác, tức là biết làm văn, biết tóm tắt. Kinh nghiệm cho thấy, việc đọc văn và làm văn có tác dụng hỗ trợ cho nhau rất tốt trong việc hình thành năng lực ngữ văn ; chỉ ai chịu đọc, biết đọc thì mới viết văn hay, mà biết viết văn, tóm tắt văn thì mới biết *đọc sáng tạo*.

Như vậy, việc tích hợp các môn Văn học, Tiếng Việt, Làm văn vào một môn học chung lấy tên là *Ngữ văn*, thể hiện một quan niệm toàn diện về môn học.

III – VỀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG *CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN* *VÀ CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO*

1. Nguyên tắc khoa học

Chương trình chuẩn và *Chương trình nâng cao* môn Ngữ văn THPT sử dụng những thành tựu khoa học ổn định của các ngành Văn học, Tiếng Việt, Làm văn cho đến những năm đầu thế kỉ XXI, tổ chức thành hệ thống kiến thức phù hợp

lứa tuổi và tâm lí HS. Chương trình cũng vận dụng những thành tựu mới của ngành tâm lí giáo dục và lí luận dạy học hiện đại.

2. Nguyên tắc sư phạm

Chương trình chuẩn và *Chương trình nâng cao* môn Ngữ văn THPT được xây dựng sát với mục tiêu dạy học cấp THPT, kế thừa và phát triển những kết quả đã đạt được ở THCS. GV một mặt giúp HS hoàn thiện các kiến thức, kĩ năng đã có ở cấp học dưới, mặt khác nâng cao để phù hợp với năng lực tiếp nhận của HS THPT.

Nguyên tắc sư phạm thể hiện ở việc phát huy tính tích cực, chủ động học tập của HS, tạo điều kiện để các em tham gia giao tiếp và hoạt động trong tiết học.

Nguyên tắc sư phạm còn thể hiện ở cách xây dựng Chương trình theo tinh thần tích hợp, gắn kết các kiến thức văn học, tiếng Việt, làm văn trong hoạt động dạy học và vận dụng các kiến thức đã học ở cấp học dưới, tạo khả năng liên hệ với nhiều mặt của đời sống.

3. Nguyên tắc thực tiễn

Chương trình được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội hiện đại, trang bị những kiến thức, tư tưởng và phương pháp hiện đại, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

Chương trình kế thừa thành tựu của các Chương trình trước đây, hấp thu tư tưởng mới trong Chương trình giáo dục của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, nhưng phù hợp với điều kiện cụ thể của HS và nhà trường Việt Nam hiện nay.

Riêng đối với *Chương trình nâng cao*, ngoài những nguyên tắc chung đã nêu trên còn được bổ sung hai nguyên tắc sau :

"1.1. Thống nhất với *Chương trình chuẩn*

- Thống nhất về hệ thống văn bản, hệ thống thuật ngữ, khái niệm, quan niệm về các vấn đề lịch sử văn học, lí luận văn học, tiếng Việt và làm văn.
- Thống nhất về sự phân bổ nội dung dạy học cho mỗi lớp.
- Thống nhất về phương pháp dạy học.

2.2. Nâng cao so với *Chương trình chuẩn*

- Về lượng kiến thức : trong *Chương trình nâng cao*, số lượng văn bản được học và đọc thêm nhiều hơn ; học kĩ hơn một số tác gia văn học ; trang bị thêm một số kiến thức lí luận văn học, tri thức đọc - hiểu, kiến thức và kĩ năng tạo lập văn bản.

– Về yêu cầu dạy - học : Trong *Chương trình nâng cao*, nội dung dạy học ở cả ba phần Văn học, Tiếng Việt và Làm văn được khai thác kĩ và sâu hơn⁽¹⁾.

IV – CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Do quan niệm về nội dung và yêu cầu của môn học như đã nêu ở trên, *Chương trình nâng cao môn Ngữ văn THPT* được trình bày theo cấu trúc mới.

1. Nội dung dạy học được xây dựng theo hai trục *đọc văn và làm văn*

a) *Đọc văn*

– Lấy lịch sử văn học Việt Nam làm cơ sở để sắp xếp các tác phẩm, đoạn trích chọn lọc của văn học Việt Nam và một số hiện tượng văn học nước ngoài đặc biệt tiêu biểu vào từng *cụm thể loại*, nhằm giúp HS học đọc, phân tích, khái quát các giá trị tư tưởng, văn hoá, nghệ thuật trong đó. Cách sắp xếp này cũng nhằm tạo điều kiện để HS liên hệ văn học Việt Nam với văn học nước ngoài.

– Lấy văn bản văn học (có hư cấu, tưởng tượng) làm nền tảng, Chương trình tuyển chọn thêm các văn bản khác như *văn nghị luận, văn sử kí, nhật dụng* để HS có điều kiện mở rộng phạm vi rèn luyện năng lực đọc và rèn luyện tư duy, hướng tới đời sống nhiều mặt. Do đó, khái niệm *văn* được mở rộng theo xu hướng chung của nhiều nước trên thế giới.

– Để đọc văn có hiệu quả, Chương trình cung cấp :

+ *Tri thức văn học sử* về các thời kì, giai đoạn, các bộ phận, thành phần văn học, về tác giả, tác phẩm.

+ *Tri thức đọc - hiểu* gồm tri thức lí luận văn học, văn hoá, ngôn ngữ, các nhận định liên quan.

– Chương trình đọc văn được xây dựng theo một trật tự từ thấp lên cao : Ở lớp 10, HS sẽ học đọc văn bản là chính ; lớp 11, sẽ đi sâu vào đặc trưng các thể loại văn học, tác giả văn học ; lớp 12, chú ý đọc sáng tạo và vận dụng ngữ cảnh văn hoá xã hội rộng lớn. Chương trình nhấn mạnh đọc - hiểu, nhưng không coi nhẹ đọc thông, đọc thuộc.

b) *Làm văn*

Bao gồm làm văn viết và nói – kế thừa các kết quả của phần Tập làm văn từ THCS. Chương trình Làm văn THPT chú trọng các điểm sau :

(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông – môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục, H., 2006.

– Khái niệm làm văn được hiểu một cách toàn diện từ tích lũy kiến thức, quan sát, thể nghiệm đời sống, liên tưởng, tưởng tượng đến quá trình lập ý, viết đoạn văn, hoàn thiện bài văn.

– Chương trình ưu tiên cho văn *nghị luận xã hội* nhằm tăng cường sự gắn bó của HS với đời sống, kế thừa các kinh nghiệm làm văn *nghị luận văn học* đã có.

– Chương trình không sử dụng các khái niệm kiểu bài được chia nhỏ như trước đây, mà chú trọng rèn luyện các thao tác tư duy, hình thành kỹ năng xây dựng luận điểm, vận dụng luận cứ và phương pháp lập luận, bao gồm cả bác bỏ, nhằm tạo cho HS năng lực chủ động đề xuất, phát biểu những suy nghĩ của chính mình.

– Chương trình được xây dựng theo trình tự từ thấp lên cao : lớp 10, *ôn luyện các kiểu văn bản đã học ở THCS, học các phương pháp tích lũy kiến thức* ; lớp 11, tập trung vào *các thao tác nghị luận* ; lớp 12, hướng tới hình thành *năng lực nghị luận chủ động, hoàn thiện các kỹ năng làm văn nghị luận*.

2. Vai trò, vị trí của phần *Tiếng Việt*

Tiếng Việt đã được học khá cơ bản từ THCS. Ở THPT, Tiếng Việt được học để hỗ trợ cho việc nâng cao năng lực đọc và viết. Vì thế, phần này được bố trí học liên tục từ lớp 10 đến lớp 12.

– Phần Tiếng Việt ở THPT cung cấp thêm cho HS một số tri thức mới về văn bản, phong cách chức năng ngôn ngữ, về lịch sử tiếng Việt, loại hình tiếng Việt và cách sử dụng tiếng Việt.

– Về cơ bản, đây là phần thực hành nhằm ôn luyện, nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, phục vụ đọc - hiểu và làm văn, như đọc hiểu nghĩa từ, nghĩa câu, nghĩa đoạn, rèn luyện sử dụng câu đơn, câu phức, rèn luyện kỹ năng viết theo phong cách ngôn ngữ khoa học, phong cách ngôn ngữ hành chính, phong cách ngôn ngữ nghệ thuật,...

3. Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá

– Chương trình hướng tới kiểm tra, đánh giá toàn diện cả phương diện tri thức lẫn kỹ năng, thái độ của HS.

– Vận dụng hình thức kiểm tra *trắc nghiệm* kết hợp với *tự luận* : *trắc nghiệm* các tri thức về tác giả, tác phẩm, *trắc nghiệm* năng lực đọc - hiểu câu, hiểu từ, hiểu đoạn văn và bài văn. Trong kiểm tra có thể sử dụng cả văn bản ngoài SGK,

nhưng thuộc loại hình và mức độ khó tương tự như văn bản trong SGK ; hình thức *tự luận* được sử dụng như Chương trình đại trà trước đây đã sử dụng, nhưng yêu cầu về nội dung và thời lượng ít hơn, nhằm kiểm tra chất lượng là chính.

V – VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGŨ VĂN

Vấn đề đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn đã được đặt ra và thực hiện từ Tiểu học, THCS với hai nguyên tắc *tích hợp* và *tích cực hoá hoạt động học tập* của HS. Môn Ngữ văn THPT phải tiếp tục và phát triển theo đặc trưng môn học và yêu cầu cấp học.

1. Dạy học theo nguyên tắc tích hợp

Môn Ngữ văn ở THCS đã chú trọng *tích hợp đọc* và *tích hợp ngang* trong dạy học Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn. Ở THPT vẫn tiếp tục phương hướng đó, song do yêu cầu cao hơn về kĩ năng, cho nên chú trọng tích hợp văn bản với lịch sử, lịch sử văn học, lí luận văn học, văn hoá, năng lực thực hành tiếng Việt. Trong làm văn, tích hợp hoạt động làm văn với lí thuyết làm văn, thao tác làm văn, với tri thức đời sống xã hội, lịch sử, văn hoá, văn học, tiếng Việt. Làm văn và Đọc văn cũng tích hợp với nhau, hỗ trợ cho nhau.

Chính vì thế trong quá trình dạy học, GV phải biết kết hợp các tri thức khác nhau để việc dạy học đạt được hiệu quả tốt. Để hình thành cho HS năng lực đọc - hiểu văn bản, GV cần hướng dẫn HS biết vận dụng một cách tổng hợp, từ việc đọc - hiểu từ ngữ, câu văn, lời văn, hình ảnh, nhịp điệu,... đến việc biết đặt văn bản vào hoàn cảnh ra đời, vận dụng các hiểu biết về tác giả, thời đại, đặc điểm văn hoá,... để hiểu đúng, hiểu sâu hơn văn bản được đọc - hiểu.

2. Nguyên tắc phát huy tính tích cực học tập của HS

Cũng như nguyên tắc *tích hợp*, nguyên tắc *tích cực hoá* việc học tập của HS không mới đối với GV, song do chưa được chương trình hoá, chưa được tổ chức thực hiện đồng bộ nên nhìn chung chưa được GV thực hiện thường xuyên và triệt để. Vì thế trong thực tế dạy học, hoạt động giảng, ghi bảng, đọc cho HS chép của GV vẫn chiếm vị trí chủ đạo. Sự lạm dụng hoạt động giảng văn đã làm cho HS có thói quen ỷ lại, học thụ động.

Đặt yêu cầu *dạy đọc văn* là một tiên đề để đổi mới phương pháp dạy học. Người GV đóng vai trò tổ chức, gợi mở để HS hình thành năng lực đọc, khái quát,

chứ không làm thay HS. Các phương pháp dạy học văn truyền thống như *đọc diễn cảm, phát vấn, gợi tìm, nêu vấn đề* chỉ khi nào kết hợp với khái niệm dạy *đọc* văn bản cho HS thì mới thực sự phát huy tác dụng. Đây không phải là các phương pháp cảm thụ nội dung, tư duy nói chung, mà là phương pháp dạy *đọc* qua các văn bản cụ thể với các kiểu tổ chức ngôn từ cụ thể : thơ, ca dao, văn nghị luận, truyện ngắn,...

Đọc - hiểu là năng lực thâm kín bên trong cá thể. Cách thức xác định, kiểm tra năng lực ấy như thế nào là vấn đề còn rất mới mẻ. Vấn đề dạy *đọc* - hiểu là vấn đề mới, đòi hỏi GV phải có nhiều suy nghĩ, tìm tòi, rút kinh nghiệm để thực hiện thì mới có kết quả tốt.

Cùng với việc dạy học *đọc* - hiểu văn bản, Chương trình cũng chú trọng đổi mới phương pháp dạy làm văn : chủ yếu là xây dựng các đề văn, các hình thức luyện tập đa dạng nhằm làm cho HS động não, tạo thói quen học tập tích cực, chủ động, có phương pháp.

B – VỀ SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN NÂNG CAO

I – NGUYÊN TẮC BIÊN SOẠN

SGK *Ngữ văn Nâng cao* là bản thiết kế nhằm cụ thể hoá nội dung và tư tưởng của Chương trình do một tập thể tác giả thực hiện. Do đó, người biên soạn luôn bám sát các nội dung cơ bản của Chương trình đã được duyệt, từ tên bài, tên đoạn trích, khái niệm,...

Tuy nhiên, trong quá trình biên soạn, các tác giả có điều chỉnh chút ít cho phù hợp với thực tế. Những điều chỉnh này không làm thay đổi diện mạo, những nguyên tắc và định hướng lớn của Chương trình.

II – CẤU TRÚC CHUNG

1. SGK *Ngữ văn Nâng cao* được xây dựng theo nguyên tắc tích hợp, các nội dung Văn học (bao gồm văn học Việt Nam, lí luận văn học, lí luận *đọc* văn, văn học nước ngoài), Làm văn và Tiếng Việt được đặt xen nhau theo một trật tự nhằm bổ sung, tích hợp với nhau, đồng thời vẫn đảm bảo tính độc lập của từng phần.

2. Mỗi phần có những yêu cầu khác nhau về cấu trúc. Chẳng hạn, trong phần Văn học có các *bài khái quát*, sau đó là *văn bản tác phẩm* sắp xếp theo cụm thể loại

và lịch sử văn học. Cuối mỗi thể loại có *Tri thức đọc - hiểu* và bài *đọc thêm*. Cuối Học kì I và cuối năm học có bài ôn tập, tổng kết. Phần Tiếng Việt cũng có các bài *lí thuyết* và các bài *luyện tập*. Phần Làm văn có các bài *lí thuyết* kèm *luyện tập*, các bài *làm văn* tại lớp (hoặc ở nhà) và *trả bài*.

III – CẤU TRÚC TỪNG LOẠI BÀI

1. SGK là một chuỗi bài học bố trí theo thời gian năm học. Bài học ở đây quan niệm có khác với THCS. Bài học có thể 1 tiết, 2 tiết hoặc nhiều hơn, nhằm cung cấp cho HS một đơn vị kiến thức hoàn chỉnh, rèn luyện một số kĩ năng nhất định. Do đó, phần Văn học có một số bài khái quát về văn học Việt Nam, về văn học dân gian, về văn học viết, có nhiều bài đọc - hiểu tác phẩm hoặc đoạn trích tác phẩm, bài đọc thêm ; phần Tiếng Việt có bài lí thuyết, bài luyện tập ; phần Làm văn ngoài các bài lí thuyết còn có bài làm văn và bài trả bài.

2. Bài *Đọc văn* có các phần sau :

- Tên văn bản (tác phẩm hoặc đoạn trích)
- Kết quả cần đạt
- Tiểu dẫn (về tác giả, tác phẩm, thể loại)
- Văn bản (chú thích đặt ở ngay dưới trang có từ ngữ cần chú thích)
- Hướng dẫn học bài
- Bài tập nâng cao
- Tri thức đọc - hiểu.

Các bài *đọc thêm* nói chung đều không có tiết học, cho nên câu hỏi hướng dẫn đọc thêm có sự gợi ý kĩ hơn.

Để kích thích hoạt động tự học của HS, trong SGK *Ngữ văn Nâng cao* có dành một số tiết để GV hướng dẫn HS học bài đọc thêm tại lớp theo lối bình chú, lưu ý một vài chỗ khó, một số ý chính HS cần phải nắm được.

a) *Tên văn bản* : tên văn bản do tác giả đặt, hoặc do người soạn đặt. Đối với văn bản chữ Hán, chữ Nôm, đều dùng tên dịch hoặc phiên âm ra tiếng Việt có ghi chú tên phiên âm chữ Hán. Nếu nguyên tác không có tên, người soạn cũng đặt tên để dễ nhớ, dễ học.

b) *Kết quả cần đạt* : trình bày ngắn gọn những điều cơ bản mà HS phải nắm được sau khi học bài.

c) *Tiểu dẫn* : cung cấp kiến thức cơ bản, cô đọng về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, giúp HS sơ bộ có ý niệm về văn bản.

d) *Văn bản* : chủ yếu lấy văn bản gốc. Đối với tác phẩm chữ Hán, chữ Nôm cố gắng chọn bản dịch, bản phiên âm tốt nhất. Đây là khâu rất khó vì những tác phẩm hay thì đến nay bản dịch, bản phiên âm vẫn chưa thể đạt tới sự nhất trí hoàn toàn. Chúng tôi chọn bản dịch có uy tín, ghi tên người dịch, xuất xứ. Nếu có điều chỉnh chút ít về văn bản để tiện lợi cho HS học thì ghi là "Theo bản dịch" (của người nào đó) với mục đích để HS có một bản dịch tốt, phản ánh trung thành nguyên tác, phù hợp với yêu cầu học tiếng Việt.

đ) *Chú thích các từ ngữ* trong văn bản trước đây thường để tập trung ở cuối bài, nay chúng tôi để ở ngay cuối mỗi trang cho HS dễ theo dõi khi đọc. Số lượng chú thích cũng được giới hạn vừa phải, đủ hiểu văn bản và dành phần cho GV gợi ý trên lớp.

e) *Hướng dẫn học bài* không gọi là *Hướng dẫn tìm hiểu bài* hay *Hướng dẫn chuẩn bị bài* như trước đây, vì như thế dễ gây cho HS tâm lí chờ đợi bài giảng của GV. Cần làm cho HS hiểu rằng, trả lời câu hỏi hướng dẫn học bài dưới sự hướng dẫn của GV là con đường đạt tới kết quả cần đạt.

Mục *Hướng dẫn học bài* có những câu hỏi kiểm tra đọc thông, đọc thuộc ; có câu hỏi gợi ý đọc kĩ, đọc sâu và đọc vận dụng.

g) *Tri thức đọc - hiểu* cung cấp cho HS các tri thức về lịch sử, văn hoá và lí luận văn học,... dưới dạng trình bày cô đọng và sáng rõ nhất. Phần này không dùng để giảng thành bài, nhưng GV có thể sử dụng để gợi ý đọc - hiểu và khuyến khích HS sử dụng chúng.

h) Phần *Bài tập nâng cao* cung cấp một số đề bài có tính chất nâng cao để HS làm quen với các thao tác tư tưởng, so sánh, phân tích, tổng hợp,...

i) Văn bản *Đọc thêm* có câu hỏi *Hướng dẫn đọc thêm* dùng để mở rộng phạm vi đọc và kiến thức, có thể sử dụng như ngữ liệu trong các bài kiểm tra và các kì thi.

3. Bài khái quát, lí thuyết, tổng kết nói chung có hai phần : *phần lí thuyết*, khái quát ngắn gọn và *phần luyện tập*.

4. Bài *Luyện tập* gồm một hay một chùm bài tập nhỏ nhằm hình thành, củng cố một kĩ năng nào đó (bao gồm cả tiếng Việt, làm văn, trả bài, luyện nói).

C – VỀ MÔ HÌNH SÁCH GIÁO VIÊN NGỮ VĂN 10 NÂNG CAO

SGV *Ngữ văn 10 Nâng cao* gồm hai phần chính :

Phần một : *Một số vấn đề chung về Chương trình và SGK Ngữ văn Nâng cao.*

Phần hai : *Gợi ý giảng dạy các bài.*

Các bài trong SGV sắp xếp tương ứng với thứ tự các bài ở SGK. Sau tên bài có ghi chú số tiết dự kiến của người biên soạn. Số tiết dự kiến cho mỗi bài học là căn cứ tham khảo để thực hiện Chương trình.

Cấu trúc từng bài học có các phần như sau :

– *Mục tiêu cần đạt* : nêu mục tiêu mà GV cần phải đạt được trong dạy học mỗi bài.

– *Những điểm cần lưu ý* : trình bày bổ sung, mở rộng kiến thức, cách hiểu cần thiết để giúp GV soạn giáo án được thuận lợi.

– *Tiến trình tổ chức dạy học* : trình bày những gợi ý nhằm thực hiện tiết học với các câu hỏi đọc - hiểu, các bài luyện tập đã cho trong SGK. Mục này thường có ba phần chính : *Phần mở đầu* đặt vấn đề, giới thiệu nội dung bài học. *Phần tổ chức dạy học* trình bày các bước dạy học theo câu hỏi hướng dẫn học bài, gợi ý đáp án cho các câu hỏi hướng dẫn học bài và gợi ý phương pháp dạy học. *Phần củng cố*, cung cấp những kiến thức khái quát giúp GV tổng kết bài được thuận lợi.

– *Tài liệu tham khảo* : cung cấp thư mục thiết yếu, hoặc đoạn trích tài liệu để GV tham khảo, tuy nhiên mục này không bắt buộc bài nào cũng phải có.